TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2026
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Ông Trần Văn Hổ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Trần Thị Ấm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 272/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Thị Hồng S, sinh năm 1984; Địa chỉ: 1xxB, khu phố x, phường AH, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị đơn:* Võ Thanh N, sinh năm 1981; Đăng ký thường trú: ấp xx, xã GT, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: 1xxB, khu phố x phường AH, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Thị Hồng S trình bày:

Do quen biết, tìm hiểu, chị S và anh N tự nguyện tiến tới hôn N, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 5, thành phố Bến Tre (nay là phường An Hội) vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với mẹ và anh chị của chị S tại Phường 5, thành phố Bến Tre (nay là phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long)

Tuy nhiên, từ khi kết hôn, vợ chồng không có kinh tế chung, mỗi người tự có công việc riêng, không ai hỗ trợ gì được cho ai, anh N đi làm không đưa tiền cho chị để chị trang trải cuộc sống gia đình. Anh N còn thường xuyên uống rượu và về đến nhà thì xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với chị hoặc với người thân gia đình. Chị S đã nhiều lần góp ý nhưng anh N vẫn không thay đổi. Cách nay hơn 01 năm anh N đã ra ngoài thuê nhà sống riêng và vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng 9 tháng. Nay không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Trương Viết Danh, sinh ngày 21/4/2016 hiện đang sống cùng với chị S. Khi ly hôn, chị S yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Thanh N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về điều kiện, thời gian kết hôn. Về tình trạng hôn nhân thì vợ chồng không có mâu thuẫn nghiêm trọng, có cự cãi nhưng không nghiêm trọng. Vợ chồng mỗi người có kinh tế riêng, anh N không đưa tiền cho chị S nhưng vẫn mua sắm cho con. Cách nay hơn 01 năm anh N thuê nhà sống riêng, vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng 9 tháng. Về tình trạng hôn nhân thì anh N không biết lỗi dẫn đến tình trạng này là do đâu, từ thời gian ly thân, anh và chị S không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, không xác định được lỗi từ ai và sẽ khắc phục như thế nào. Nay anh N đồng ý ly hôn với chị S. Về con chung, anh N thống nhất với lời trình bày của chị S, anh chị có 01 con chung là Võ Trương Viết Danh, khi ly hôn, anh N đồng ý để chị S nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Giữa anh và chị S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, đã không sống chung, đã ly thân hơn và không có biện pháp hàn gắn, đoàn tụ, anh N đồng ý ly hôn với chị S. Thấy rằng mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị S và anh N. Về nuôi con chung, chị S và anh N có 01 con chung tên Võ Trương Viết Danh, sinh ngày 21/4/2016 hiện đang sống cùng với chị S. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N đồng ý để chị S trực tiếp nuôi con nên ghi nhận, ghi nhận chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh chị trong cùng vụ án do anh chị trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Bến Tre vào năm 2016 (nay là phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long), nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo chị S, giữa chị và anh N mỗi người có kinh tế riêng, không ai hỗ trợ cho ai, anh chị đã không sống chung, đã ly thân đến nay hơn 9 tháng và không có biện pháp hàn gắn. Tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn nên có cơ sở xác định tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị S và anh N.

[3] Về con chung: Chị S và anh N có 01 con chung là Võ Trương Viết Danh, sinh ngày 21/4/2016. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N đồng ý để chị S nuôi con chung nên ghi nhận. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh N xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Về án phí: Chị S là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Hồng S và anh Võ Thanh N.

[2] Về con chung: Chị Trương Thị Hồng S và anh Võ Thanh N có 01 con chung tên Võ Trương Viết Danh, sinh ngày 21/4/2016 hiện đang sống cùng với chị S. Khi ly hôn chị Trương Thị Hồng S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị Trương Thị Hồng S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh N xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị Hồng S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006048 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị S đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5,
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường An Hội (18 ngày 23/5/2016 (Phường 5)) ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng